

TÀI LIỆU CHUYÊN ĐỀ

Thiệt hại kinh tế do Bạo lực gia đình đối với Phụ nữ tại Việt Nam

GIỚI THIỆU

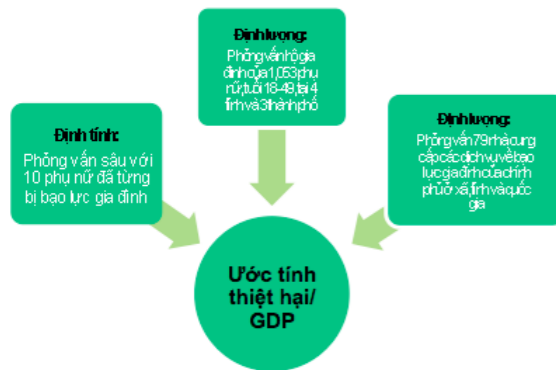
Bạo lực đối với phụ nữ là một vấn đề dai dẳng và tương đối phổ biến ở Việt Nam. Tỷ lệ bạo lực, bao gồm bạo lực tinh thần, bạo lực thể chất và/hoặc bạo lực tình dục do người chồng hoặc bạn tình gây ra cho phụ nữ, chiếm một phần trăm đáng kể tại Việt Nam. Điều này được chứng minh từ kết quả của Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực Gia đình tại Việt Nam năm 2010 (2010, Nghiên cứu quốc gia), cho thấy 58,3% phụ nữ đã từng kết hôn đã trải qua ít nhất một loại hình bạo hành gia đình tại một thời điểm nào đó trong cuộc đời của họ, và 34% đã chịu đựng bạo lực thể xác và/hoặc tình dục (GSO, 2010). Chi phí về mặt con người của tình trạng bạo lực như vậy là rất lớn - nó huỷ hoại cuộc sống, phá vỡ cộng đồng và cản trở sự phát triển kinh tế xã hội (Duvvury và cộng sự, 2000).

Tuy nhiên, bạo lực gia đình là một vấn đề thường bị những nhà lập pháp và xã hội bỏ qua. Nó được coi là một 'vấn đề của riêng gia đình' hơn là một vấn đề chính sách công. Để thay đổi suy nghĩ này và công khai hoá tình trạng vi phạm về quyền phụ nữ rộng rãi này, và chi phí của nó đối với xã hội, Liên hợp quốc tại Việt Nam, Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, và trường Đại học Quốc gia Ireland đã tiến hành nghiên cứu vào năm 2012, nhằm xác định những thiệt hại về kinh tế của bạo lực gia đình. Mục tiêu cuối cùng của nghiên cứu này là nhằm giúp những nhà hoạch định chính sách, những nhà lãnh đạo, NGOs, cộng đồng và gia đình hiểu biết sâu sắc hơn về các chi phí của việc không hành động chống lại bạo lực gia đình. Bản tóm lược Định hướng chính sách này nhấn mạnh những phát hiện chính và khuyến nghị cho hành động từ cuộc nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu hỗn hợp để thu thập số liệu.

Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp:



Nghiên cứu chỉ ra rằng bạo lực gia đình gây ra những thiệt hại trực tiếp và gián tiếp đối với xã hội. Thiệt hại trực tiếp bao gồm chi phí trực tiếp từ tiền túi phát sinh sau những vụ bạo lực gia đình, như là chi phí cho dịch vụ sức khỏe hoặc thay thế đồ đạc bị hư hỏng. Chi phí gián tiếp bao gồm thiệt hại về thu nhập do không thể đi làm, bao gồm cả công việc nội trợ.

Tổng chi phí trực tiếp và gián tiếp chiếm tới 1,41% GDP của Việt Nam năm 2010. Bạo lực gia đình cũng dẫn tới thiệt năng suất lao động chung, vì phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình có mức thu nhập ít hơn 35% so với những phụ nữ khác. Tổng thiệt hại về năng suất lao động chiếm tới 1,78% GDP quốc gia năm 2010. Nhóm chung lại, chi phí cơ hội và thiệt hại về năng suất lao động ước tính của bạo lực gia đình do ban tình gây ra với phụ nữ chiếm tới 3,19% GDP của Việt Nam năm 2010. Những con số này cho thấy rằng, bên cạnh những cuộc sống, thân thể và gia đình bị huỷ hoại, bạo lực gia đình gây ra những thiệt hại về kinh tế đáng kể đối với xã hội Việt Nam và cản trở sự phát triển kinh tế.

BỐI CẢNH

1. Bối cảnh kinh tế-xã hội và văn hoá của bạo lực gia đình tại Việt Nam

Về mặt văn hoá, Việt Nam là một xã hội gia trưởng sâu sắc với quan điểm truyền thống về giới dựa

trên đạo Khổng và Phật giáo. Quan niệm giới truyền thống coi nam giới là trụ cột của gia đình, phụ nữ được dạy dỗ để đứng phía đằng sau và duy trì sự hoà hợp trong gia đình (Vũ Song Hà và cộng sự, 2002). Nghiên cứu quốc gia 2010 phát hiện ra rằng phụ nữ thường chấp nhận những định kiến xã hội này, chấp nhận chịu đựng bạo lực gia đình và giữ im lặng để giữ sự cân bằng trong gia đình. Ví dụ, nam giới bẩm sinh được cho là nóng tính hay dễ tức giận, và không thể kiểm soát cảm xúc của họ. Trong khi đó, phụ nữ được dạy dỗ để sẵn sàng đáp ứng tình dục cho nam giới bất cứ khi nào nam giới muốn.

Về trình độ phát triển kinh tế xã hội, công cuộc Đổi mới năm 1986 thúc đẩy phát triển kinh tế cao lên một mức độ cao, đã ảnh hưởng đến quan hệ giới truyền thống trong gia đình. Phụ nữ hiện nay chiếm tới 70-80 phần trăm lực lượng lao động trong các nhà máy điện tử, dệt may và giấy dếp (USAID, 2010) và 46,6% phần trăm tổng lực lượng lao động. Kết quả là, đóng góp về kinh tế của phụ nữ cho hộ gia đình tăng lên rõ rệt thông qua những tiến bộ này tại nơi làm việc. Tuy nhiên, bên ngoài các nhà máy, phụ nữ tập trung chủ yếu trong các ngành nghề phi chính thức, trong đó thu nhập của phụ nữ chỉ bằng 50% thu nhập trung bình của nam giới trong khu vực chính thức, và đối mặt thường xuyên hơn với tình trạng bất ổn về công việc (UNIFEM, 2010). Bên cạnh đó, còn quá ít thay đổi trong những trông đợi vai trò giới cơ bản, phụ nữ tiếp tục chịu trách nhiệm chính cho các công việc gia đình, như chăm sóc con cái, chăm sóc người già và việc nội trợ. Những trách nhiệm này cản trở phụ nữ tham gia một cách toàn diện vào thị trường lao động (World Bank, 2011).

Giáo dục cho trẻ em gái là một lĩnh vực khác đã được cải thiện trong vài thập kỷ qua. Tại các trường tiểu học và trung học cơ sở, trẻ em trai và gái nhập học với tỉ lệ tương đương, trong khi ở các cấp học cao hơn, trẻ em gái nhập học nhiều hơn trẻ em trai (World Bank, 2011). Tỉ lệ biết chữ của phụ nữ cũng tương đương với nam giới (Chính phủ, Tổng Điều tra Dân số và Nhà ở, 2009). Tuy nhiên, trẻ em gái ở 20% hộ gia đình Việt Nam nghèo nhất và các cộng đồng dân tộc miền núi phía bắc đến trường ít hơn rất nhiều so với trẻ em trai ở cùng cộng đồng (Lee, 2008). Tăng tỉ lệ giáo dục cho trẻ em gái là rất quan

trọng trong việc phòng chống bạo lực gia đình, vì theo như Nghiên cứu quốc gia 2010, phụ nữ có học vấn cao hơn thì ít phải chịu bạo lực gia đình hơn. Phát hiện này thống nhất với những nghiên cứu quốc tế khác (Duvvury và cộng sự, 2000). Bên cạnh những tiến bộ này, định kiến giới ở Việt Nam ngày nay vẫn duy trì quan niệm rằng bạo lực gia đình được chấp nhận và do vậy, phụ nữ ở tất cả các cấp độ kinh tế xã hội và trong toàn quốc tiếp tục chịu bạo lực gia đình.

2. Bối cảnh luật pháp và chính sách tại Việt Nam

Chính phủ Việt Nam đã ký Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước Quốc tế về Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hoá (ICESCR), và Công ước Quốc tế về Quyền Công dân và Chính trị (ICCPR). Tất cả những công ước quốc tế này cấm bạo lực đối với

phụ nữ ở nơi công cộng và riêng tư, và quy định rằng các quốc gia thành viên có trách nhiệm sửa đổi các luật và chính sách quốc gia nhằm ngăn chặn những bạo lực như vậy. CEDAW nhấn mạnh thêm rằng quốc gia có trách nhiệm thay đổi những định kiến giới mang tính văn hoá duy trì phân biệt đối xử và bạo lực đối với phụ nữ. Phù hợp với những cam kết quốc tế này, Việt Nam đã có một khung pháp lý và chính sách mạnh mẽ nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và phòng chống bạo lực đối với phụ nữ.

Các chính sách của Việt Nam hiện nay là một bước tiến quan trọng đến bình đẳng giới. Tuy nhiên, việc thực hiện vẫn là một thách thức lớn, khi mà thái độ của xã hội và nhận thức về luật pháp và chính sách còn hạn chế làm cho việc thực hiện đầy đủ các chính sách và những bước tiến quan trọng đến bình đẳng giới trở nên khó khăn (World Bank, 2011).

Luật pháp và chính sách về Bình đẳng giới và Bạo lực gia đình tại Việt Nam

- Hiến pháp Việt Nam (1992) công nhận quyền bình đẳng của phụ nữ ở nơi công cộng và trong cuộc sống riêng tư (Điều 63).
- Dựa trên Hiến pháp, quyền của phụ nữ đã được hệ thống hoá trong các văn bản pháp luật sau: Luật Công dân, Bộ Luật Lao động, Luật Chăm sóc sức khỏe nhân dân, Luật Doanh nghiệp, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Hôn nhân và Gia đình, Bộ Luật Hình sự, Luật xử lý vi phạm hình sự, Luật Bầu cử quốc hội và Luật Bầu cử hội đồng nhân dân.
- Luật Bình đẳng giới (2006) thúc đẩy bình đẳng giới và cấm bạo lực đối với phụ nữ.
- Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2007) ngăn chặn bạo lực gia đình và bảo vệ nạn nhân. Những nghị định hướng dẫn việc thực hiện các khía cạnh của Luật Phòng chống bạo lực gia đình được ban hành năm 2008, 2009, 2010.
- Chương trình hành động vì Sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam được triển khai trong các giai đoạn 2011-2005 và 2006-2010.
- Chiến lược quốc gia thúc đẩy Bình đẳng giới (2011-2020) và Chương trình quốc gia về Bình đẳng giới (2011-2015) giúp Việt Nam tăng cường khả năng tiếp cận tới bình đẳng giới.
- Bộ Luật Lao động (sửa đổi năm 2010) cấm quấy rối tình dục nơi làm việc.

NHỮNG PHÁT HIỆN CHÍNH CỦA NGHIÊN CỨU 'ƯỚC TÍNH THIẾT HẠI CỦA BẠO LỰC GIA ĐÌNH ĐỐI VỚI PHỤ NỮ TẠI VIỆT NAM'

Tỉ lệ bạo lực gia đình

Nghiên cứu phát hiện ra rằng bạo lực gia đình phổ biến hơn ở khu vực nông thôn, một thực tế đã được xác định ngay trong Nghiên cứu quốc gia 2010. Ước tính 48% phụ nữ nông thôn và 38% phụ nữ thành thị đã trải qua bạo lực thể xác tại một thời điểm nào đó trong cuộc đời, trong khi hơn một phần tư số phụ nữ được hỏi cho rằng họ đã từng bị bạo hành tình dục. Hình thức bạo hành tình dục phổ biến nhất là tình dục không được sự đồng tình, điều này đã phản ánh quan niệm gia trưởng rằng phụ nữ bắt buộc phải đáp ứng nhu cầu tình dục của chồng. Bạo hành tinh thần là hình thức bạo lực phổ biến nhất. Gần 60% phụ nữ nông thôn và 48% phụ nữ thành thị đã từng trải qua bạo lực tinh thần trong cuộc đời họ. Hình thức bạo hành này bao gồm xúc phạm, dọa nạt và quát mắng. Nghiên cứu chỉ ra rằng, bạo lực về cơ bản là một mô hình của hành vi và không phải là một hành động chỉ xảy ra một lần, bởi vì phụ nữ được hỏi phải chịu đựng trung bình chín lần bạo lực trong vòng 12 tháng vừa qua. Phát hiện này cũng thống nhất với các tài liệu quốc tế. Những cá nhân phải trải qua bạo lực thời thơ ấu, hoặc chấp nhận những quan niệm giới truyền thống có nguy cơ bị bạo lực gia đình cao hơn. Bên cạnh đó, cho dù có sự khác biệt giữa phụ nữ nông thôn và phụ nữ thành thị, phụ nữ ở tất cả các thành phần kinh tế xã hội và học vấn trải qua bạo lực với mức độ như nhau. Điều này chỉ ra một thực tế rằng, bạo lực gia đình là một vấn nạn tại Việt Nam và việc duy trì quan niệm giới mang tính gia trưởng là một yếu tố quan trọng góp phần cho tình trạng bạo lực đó.

Tác động về thể chất và tinh thần của bạo lực

Bạo lực gia đình có tác động nghiêm trọng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của người phụ nữ. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng phụ nữ bị bạo lực gia đình có sức khỏe tâm thần yếu hơn phụ nữ không bị bạo lực. Ví dụ, phụ nữ bị bạo lực thường cảm thấy tuyệt vọng và nghĩ đến tự tử

nhiều gấp hai lần, không thể làm các công việc hàng ngày và không thấy hứng thú với các hoạt động giải trí nhiều gấp 1,5 lần. Phụ nữ bị bạo lực không khoẻ mạnh bằng nhóm mẫu nghiên cứu còn lại. Do vậy, họ phải đến các cơ sở y tế và cần chăm sóc y tế thường xuyên hơn. Tuy nhiên, Nghiên cứu quốc gia năm 2010 chỉ ra rằng chỉ 9% phụ nữ bị bạo lực tìm đến dịch vụ chăm sóc y tế, trong khi 87% không tìm kiếm bất kỳ sự trợ giúp nào từ các dịch vụ công. Tiếp cận dịch vụ y tế là một can thiệp quan trọng để hỗ trợ người phụ nữ bị bạo lực. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng không có kênh chính thức cho cán bộ y tế báo cáo về các trường hợp bạo lực gia đình đến công an, và họ chỉ ghi chép những trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Cả cán bộ y tế và công an đều không có hệ thống đầy đủ để ghi chép các vụ việc bạo lực gia đình. Điều này làm cho việc có được các thông tin chính xác về mức độ nghiêm trọng của vấn đề và chi phí tài chính và xã hội là rất khó khăn, dẫn tới việc cản trở những hiểu biết về hậu quả của vấn đề.



Thiệt hại kinh tế của bạo lực gia đình

Để tính tác động của bạo lực gia đình đối với nền kinh tế Việt Nam, nghiên cứu xác định hai chi phí chính: chi phí trực tiếp, ví dụ như chi tiêu từ túi tiền do các vụ bạo lực (chi phí cho y tế, thay thế đồ đạc...) và chi phí gián tiếp, như là thu nhập bị mất do không đi làm được.

Các chi phí trực tiếp:

Chi phí chăm sóc y tế, bao gồm phí khám, chi phí đi lại đến trung tâm y tế và thuốc men, chiếm trung bình khoảng 28,2% thu nhập trung bình của phụ nữ bị bạo lực. Điều này hoàn toàn không

ngạc nhiên khi xem xét đến mức độ thường xuyên phụ nữ bị bạo lực phải đi khám. Chi phí khác bao gồm phí thay thế các đồ đạc bị hư hỏng, chi phí phải ở trọ bên ngoài gia đình, và chi phí tìm kiếm sự giúp đỡ của công an, toà án và các cơ quan chính quyền khác. Tổng cộng, chi phí trung bình của tất cả các thiệt hại trực tiếp của bạo lực gia đình chiếm 21,0% thu nhập trung bình của những người phụ nữ được hỏi. Điều này đặc biệt có ý nghĩa khi nhiều phụ nữ bị bạo lực có thu nhập thấp hơn rất nhiều thu nhập trung bình của phụ nữ không bị bạo lực, do vậy con số này có nhiều khả năng chiếm phần một lớn hơn nhiều trong lương thực tế của họ.

Một hệ thống còn thiếu sót - một ví dụ

Hầu hết các trường hợp bạo lực gia đình được xử lý trong phạm vi gia đình và không bao giờ được giải quyết bởi hệ thống tư pháp hình sự. Nhưng thậm chí khi công an tham gia vào, họ thường rất ít hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực. Người gây ra bạo lực hiếm khi bị đi tù, anh ta thường bị phạt và cho về sống với gia đình. Thông thường, người vợ phải trả khoản tiền phạt cho hành động tội phạm đối với cô ấy.

Một người phụ nữ nhớ lại một vụ việc mà chồng cô ấy bị bắt vì bạo lực gia đình:

Sau khi anh ấy bị bắt, một người công an gọi tôi đến và nói: 'Chúng tôi không có thẩm quyền để tổng anh ta vào tù. Chúng tôi chỉ có thể phạt anh ta'. Người đó hỏi tôi: 'Liệu chị có thể sống với anh ta khi anh ta quay lại?' Tôi đã phải nộp 500,000 đồng tiền phạt (PTH).

Các chi phí gián tiếp:

Các vụ việc bạo lực gia đình cũng gây ra những chi phí gián tiếp, như là mất thu nhập do không thể đi làm. Rất nhiều phụ nữ phải nghỉ việc do bị thương và những vấn đề về tâm lý sau các vụ bạo lực gia đình. Thiệt hại về thu nhập trong một vụ việc chiếm tới 13,4% thu nhập trung bình hàng tháng của những người phụ nữ được hỏi. Người gây ra bạo lực cũng không thể đi làm sau một vụ việc như vậy vì rất nhiều lý do. Thiệt hại trung bình trong thu nhập hàng tháng của nam giới trong nghiên cứu này là 8,31%. Kết hợp lại, tổng thiệt hại thu nhập của gia đình cho mỗi vụ việc là 10,5% thu nhập trung bình tháng của hộ gia đình trong nghiên cứu này. Bên cạnh đó, vì trung bình phụ nữ bị bạo lực gia đình và chồng họ thường có mức lương thấp hơn tổng số mẫu, thiệt hại về thu nhập



này thậm chí còn đáng kể hơn. Rất nhiều phụ nữ cũng không thể thực hiện các công việc gia đình sau khi bị bạo lực, điều này đã gây thêm thiệt hại cho gia đình. Tính trung bình, 33 giờ lao động bị mất đi sau mỗi vụ việc bạo lực gia đình, chiếm



khoảng 17,8% thu nhập trung bình của phụ nữ được hỏi.

Tổng cộng, chi phí cơ hội của bạo lực gia đình đối với phụ nữ trong mẫu nghiên cứu này, tính cả chi phí từ túi tiền và thiệt hại về thu nhập từ công việc, chiếm tới 34% thu nhập trung bình hàng tháng của họ. Do đó, bên trên những hậu quả về tinh thần và thể xác của bạo lực gia đình, người phụ nữ bị bạo lực và gia đình của họ cũng bị thiệt hại về mặt kinh tế.

Các chi phí vĩ mô:

Các chi phí của bạo lực gia đình rung hồi chuông cảnh báo trong toàn nền kinh tế Việt Nam. Tổng chi phí tiềm năng của bạo lực cho cá nhân, bao gồm chi phí trực tiếp từ tiền túi, mất thu nhập và giá trị của công việc nhà chiếm 1,41% tổng GDP năm 2010. Hơn nữa, phụ nữ bị bạo lực gia đình bị giảm năng suất lao động ở nơi làm việc và tại nhà, dẫn tới tổng thiệt hại thu nhập khoảng 35%. Tổng thiệt hại về năng suất lao động tiềm năng đối với toàn thể nền kinh tế ước tính khoảng 1,78% GDP năm 2010. Tổng cộng, chi phí của bạo lực gia đình và thiệt hại về năng suất lao động chiếm 3,1% GDP Việt Nam năm 2010.

KHUYẾN NGHỊ

1. Tăng cường nguồn lực cho chiến lược ứng phó liên ngành về bạo lực gia đình

Nghiên cứu chỉ ra rằng bạo lực gia đình vẫn tồn tại dai dẳng và phổ biến tại Việt Nam, với tác động đáng kể về kinh tế đối với nền kinh tế quốc gia. Mặc dù Chính phủ đã cải thiện chính sách và đáp ứng về luật pháp đối với bạo lực gia đình, vẫn có rất nhiều việc cần phải làm. Vì chi phí của việc không hành động là quá cao, ngân sách cho vấn đề này cần phải được tăng lên nhằm mở rộng các chương trình hiệu quả giải quyết bạo lực gia đình.

2. Tăng cường năng lực của những nhà cung cấp dịch vụ y tế và công an nhằm giải quyết bạo lực gia đình đối với phụ nữ

Hầu hết các cán bộ nhà nước tin rằng bạo lực gia đình là một vấn đề riêng tư và chỉ trở thành vấn đề công cộng trong các trường hợp nghiêm trọng. Kết quả là, những nhà cung cấp dịch vụ, như công an, không cung cấp cho phụ nữ những hỗ trợ cần thiết, người phụ nữ chỉ được hướng dẫn để tự biết xử lý tình huống của họ hoặc rời bỏ gia đình họ. Điều này chỉ ra rằng Chính phủ đang dựa vào hoà giải như là cách giải quyết chính đối với bạo lực gia đình. Trong khi đó, những người cung cấp dịch vụ y tế không được đào tạo đầy đủ không thể cung cấp những trợ giúp cần thiết cho phụ nữ bị bạo lực gia đình. Chính phủ nên nâng cao năng lực kỹ thuật và tài chính của cán bộ y tế và công an nhằm xử lý những trường hợp này.

3. Các cơ quan cung cấp dịch vụ tăng cường ghi chép và lưu giữ thông tin ở tất cả các cấp

Các cơ quan cung cấp dịch vụ ở tất cả các cấp không có hệ thống ghi chép và lưu giữ thông tin các vụ bạo lực gia đình. Ví dụ, rất ít các cơ sở y tế ghi chép các trường hợp phụ nữ bị bạo lực gia đình mặc dù có những hướng dẫn của Bộ Y tế về ghi chép các thông tin này. Bên cạnh đó, các cơ sở y tế, công an và hội Phụ nữ có rất ít thông tin về hệ thống chuyển tuyến cho phụ nữ bị bạo lực

gia đình. Để đảm bảo phụ nữ nhận được những trợ giúp họ cần sau mỗi lần bị bạo lực, những nhà cung cấp dịch vụ cần có cơ chế phối hợp với hệ thống chuyển tuyến và lưu giữ phù hợp. Tòa án có một số thông tin chi tiết về các vụ ly hôn liên quan đến bạo lực gia đình, nhưng rất ít thông tin về các vụ án hình sự liên quan đến bạo lực gia đình. Chính phủ, đặc biệt là Bộ Y tế, Bộ Tư pháp và Bộ Công an, cần làm việc với những nhà cung cấp dịch vụ y tế và tư pháp để cải thiện hệ thống này. Ghi chép và lưu giữ các vụ việc này là rất quan trọng để hiểu rõ hơn về loại bạo lực này cũng như chi phí của việc không hành động chống lại bạo lực gia đình đối với xã hội Việt Nam.

4. Xây dựng và triển khai một chiến dịch thông tin và truyền thông quốc gia nhằm phòng chống bạo lực gia đình

Một yếu tố nguy cơ chính của bạo lực gia đình là sự chấp nhận những định kiến giới mang tính gia trưởng của các cá nhân bị tác động và cả xã hội. Chính phủ cần tiếp tục thực hiện và tăng cường các can thiệp hiện tại về thay đổi hành vi nhằm thúc đẩy những thay đổi định kiến truyền thống để phòng chống bạo lực trước khi nó xảy ra.

5. Tiến hành những nghiên cứu thiệt hại định kỳ nhằm đánh giá nguồn lực cần thiết để ứng phó toàn diện với bạo lực gia đình



Do thiếu thông tin liên quan đến chi phí cung cấp dịch vụ cho phụ nữ bị bạo lực, rất khó để đánh giá sự phù hợp của việc phân bổ ngân sách hiện tại của chính phủ. Chính phủ cần tiến hành các nghiên cứu định kỳ nhằm thiết lập hệ thống cơ sở dữ liệu tốt hơn về chi phí của các dịch vụ này, để xác định liệu ngân sách hiện tại có đủ.

6. Xác định gói can thiệp tối thiểu có hiệu quả kinh tế để nhân rộng

Do nguồn lực khan hiếm, chính phủ cần phân tích chi phí của các lựa chọn chính sách cho một chương trình ứng phó quốc gia. Chính phủ cần tiến hành nghiên cứu về hiệu quả kinh tế của gói can thiệp tối thiểu để giải quyết vấn đề này ở cấp quốc gia.

7. Tiến hành đánh giá các can thiệp hiện tại

Chính phủ vẫn chưa tiến hành những đánh giá lớn về các chương trình ứng phó với bạo lực gia đình để xác định chiến lược nào giải quyết bạo lực gia đình hiệu quả nhất. Để đảm bảo rằng Chính phủ cung cấp nguồn lực cho các chương trình hiệu quả, Chính phủ cần xây dựng khung giám sát đánh giá cho tất cả các chương trình can thiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Duvvury, N. và cộng sự. 2000. *Bạo lực gia đình ở Ấn Độ 3: Báo cáo tóm tắt kết quả khảo sát hộ gia đình ở nhiều địa phương*, Washington, DC: ICRW và CEDPA.

Tổng Cục Thống Kê (TCTK). 2010. *"Im lặng là chết": Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam*, Hà Nội: 2010.

TCTK. 2011. *Cơ cấu tuổi-giới và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam, Tổng điều tra dân số và nhà ở, 2009*. Hà Nội: Chính Phủ Việt Nam.

Lee, S. 2008. *Phụ nữ thể hiện như thế nào trong giáo dục, việc làm, và y tế? Một phân tích giới từ khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội: Ngân hàng thế giới.

Bộ KH&ĐT. 2008. *Việt Nam tiếp tục đạt các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ*, Bộ KH&ĐT

UNIFEM. 2010. *Tài liệu giới thiệu về các vấn đề bình đẳng giới hiện tại*, Hà Nội: UN.

USAID. 2010. *Sự tham gia của phụ nữ vào nền kinh tế Việt Nam: Chương trình hành động*

Vu Song Ha .2002. *Hành vi tình dục trong nhóm phụ nữ có gia đình tại hai vùng nông thôn miền Bắc Việt Nam*, Không phát hành. Luận văn thạc sỹ, Đại học Columbia, New York.

Ngân hàng thế giới. 2006. *Đánh giá quốc gia về giới của Việt Nam*, Washington: Ngân hàng thế giới.

Ảnh: Liên Hợp Quốc tại Việt Nam

LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: 25-29 Phan Bội Châu, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội, ĐT: +84 4 39421495, Fax: +84 4 3942 2267

Email: info@un.org.vn; Web: <http://vn.one.un.org/>

www.facebook.com/uninvietnam; www.youtube.com/unvietnam